

BẢNG GIÁ BÊ TÔNG THƯỜNG PHẨM THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số /SXD-QLXD ngày 30 tháng 5 năm 2025)

TT	NHÓM VẬT LIỆU	TÊN VẬT LIỆU, LOẠI VẬT LIỆU/ QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	NHÀ SẢN XUẤT/ GHI CHÚ	GIÁ BÁN (CHƯA BAO GỒM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG)	
						Tại nơi sản xuất	Tại chân công trình
1	2	3	4	5	6	7	8
	BÊ TÔNG THƯỜNG PHẨM				Cty Cổ phần Bê tông Đăng Hải ĐN		
	1	Bê tông Đăng Hải		TCVN 9340:2012	Tầng 7, Lô 1254-1255 Xô Viết Nghệ Tĩnh - Tp Đà Nẵng ; Tel: 0236 3688688 - 3662664		
	a	Bê tông có độ sụt $\leq (12 \pm 2)$ cm hoặc thấp hơn Mác 100	đ/m ³		(Giá đến chân CT cự ly trong vòng 15km chưa bao gồm thuế GTGT) Áp dụng từ ngày 20/5/2025		1.181.000
		Mác 150	-				1.227.000
		Mác 200	-				1.273.000
		Mác 250	-		- Thành phần VL: XM PCB 40, cát dúc Đại Lộc, đá Đà Sơn.		1.319.000
		Mác 300	-		- Khi độ sụt Bê tông ± 20 mm thì đơn giá sẽ ± 30.000 đ/m ³		1.366.000
		Mác 350	-				1.412.000
		Mác 400	-				1.458.000
		Mác 450	-		- Phụ gia chống thấm cộng thêm: 70.000đ/m ³		1.505.000
	b	Bê tông có độ sụt $\leq (12 \pm 2)$ cm hoặc thấp hơn Mác 100	đ/m ³		Áp dụng từ ngày 23/5/2025		1.287.000
		Mác 150	-				1.333.000
		Mác 200	-				1.380.000
		Mác 250	-		- Thành phần VL: XM PCB 40, cát dúc Đại Lộc, đá Đà Sơn.		1.426.000
		Mác 300	-		- Khi độ sụt Bê tông ± 20 mm thì đơn giá sẽ ± 30.000 đ/m ³		1.472.000
		Mác 350	-				1.519.000
		Mác 400	-				1.565.000
		Mác 450	-		- Phụ gia chống thấm cộng thêm: 70.000đ/m ³		1.620.000
		Cộng thêm vào giá bê tông					
		- Phụ gia dùng cho BT (đối với các loại BT sử dụng phụ gia phát triển cường độ sớm - 7 ngày đạt 90% mác thiết kế) thì:					
		Mác ≤ 250	-				60.000

		Mác 300	-			65.000
		Mác 350	-		(Giá từ ngày 01/5/2022)	69.000
		Mác 400	-		-nt-	74.000
		Mác ≥ 450	-		-nt-	74.000
		- Độ cao dùm bơm bê tông	-			
		+ Từ tầng hầm đến tầng 4 (tương đương dưới 14m)				
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	-		-nt-	83.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-	1.666.000
		+ Từ tầng 5 đến tầng 10 (hoặc cao $20m < H \leq 37m$)				
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/ m^3		-nt-	92.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-	1.852.000
		+ Từ tầng 9 đến tầng 13 (hoặc cao $20m < H \leq 37m$)				
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/ m^3		-nt-	102.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-	2.036.000
		- Độ cao dùm bơm bê tông (bơm ngang L)	-			
		+ $L \leq 30m$				
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/ m^3		-nt-	138.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-	2.777.000
		+ $30m < L \leq 60m$				
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/ m^3		-nt-	162.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-	3.240.000
		+ $60m < L \leq 90m$				
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/ m^3		-nt-	185.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-	3.704.000
		+ $90m < L \leq 120m$				
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/ m^3		-nt-	231.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-	4.629.000
	2	Bê tông thương phẩm		TCVN 9340:2012	Cty CP Bê tông Hòa Cầm - Intimex	
		Bê tông thương phẩm có độ sụt $S \leq 12 \pm 2$	đ/ m^3		Tel: 0236 3670000 - 3675155	
		Mác 100	-		(Giá đến chân CT cự ly 15km chưa bao gồm thuế GTGT) (Giá áp dụng từ ngày 22/5/2025)	1.278.000

		Mác 150	-		- Nguồn vật liệu:		1.324.000
		Mác 200	-		+ Xi măng Sông Gianh PCB40, PC50.		1.370.000
		Mác 250	-		MSR, Hoàng Thạch PCB40, Đồng Lâm		1.417.000
		Mác 300	-		PCB40, ..., Đá 1x2 Hòa Nhơn, Đà Sơn,		1.463.000
		Mác 350	-		Sơn Phước, Cát Đại Lộc		1.509.000
		Mác 400	-		- Mỗi lần tăng một cấp độ sụt 20mm,		1.565.000
		Mác 450	-		đơn giá tăng tương đương 20.000 đ/m3		1.620.000
		Mác 500	-		- Dùng phụ gia chống thấm cộng thêm:		1.685.000
					60.000đ/1m3		
					- Dùng phụ gia R7 (tăng cường độ 7		
					ngày) cộng thêm: 60.000đ/1m3		
					- Dùng phụ gia R14 (tăng cường độ		
					14 ngày) cộng thêm: 40.000đ/1m3		
					- Dùng phụ gia R4 (tăng cường độ 4		
					ngày) cộng thêm: 100.000đ/1m3		
					- Dùng phụ gia R3 (tăng cường độ 3		
					ngày) cộng thêm: 120.000đ/1m3		
					- Dùng xi măng bền sunfat cộng thêm:		
					150.000đ/1m3		
					- Dùng phụ gia bền sunfat cộng thêm:		
					250.000 đ/1m3		90.000
					* Độ xa dùng bơm BT với KL >= 30m ³ :		1.800.000
					- L <40m 100.000đ/m ³		
					- 40m ≤ L <70m 150.000đ/m ³		100.000
					- 70m ≤ L <100m 200.000đ/m ³		2.000.000
					- 100m ≤ L <130m 250.000đ/m ³		
					* Độ xa dùng bơm BT với KL < 30m ³		110.000
					- L <40m 3.000.000đ/lần		2.200.000
					bơm		
					- 40m ≤ L <70m 4.500.000đ/lần		
					bơm		
					- 70m ≤ L <100m 6.000.000đ/lần		120.000
					bơm		
					- 100m ≤ L <130m 7.500.000đ/lần		2.400.000
					bơm		

					* Độ xa dùng bơm BT với KL >= 30m ³ :		
					* Khoảng cách từ nhà máy bê tông Hòa Cầm đến địa điểm cung cấp		
					- Cự ly <15km 0đ/m ³		
					- Cự ly <20km 30.000đ/m ³		
					- Cự ly <25km 60.000đ/m ³		
					- Cự ly <30km 90.000đ/m ³		
					- Cự ly <35km 120.000đ/m ³		
	3	Bê tông thương phẩm - CTY CP VLXD DUFAGO		TCVN 9340:2012	Công ty TNHH MTV Bê tông Dufago		
		Bê tông có độ sụt ≤ 12±2cm đá 1x2 Mác 100	đ/m ³		Lô C20 CCN Thanh Vinh - Đà Nẵng		1.143.519
		Mác 150	-		Tel: 0236 3737973		1.189.815
		Mác 200	-		(Giá đến chân CT cự ly 20km chưa bao gồm thuế GTGT) (Giá áp dụng từ ngày 16/5/2025)		1.236.112
		Mác 250	-		-Bê tông đạt cường độ nén sau 28 ngày (theo TCVN: 9340 - 2012 mẫu hình lập phương 15x15x15cm) - Thành phần Vật liệu: + Xi măng Kim Đình (Xuân Thành) PCB40, + Cát dúc Quảng Nam, + Đá Đà Sơn + Phụ gia Sika, MC, Lotus, Fly ash (Petro Vietnam Ha Tinh) Từ Km 21 trở đi sẽ cộng tăng thêm 15.000đ/m3/km. (Giá áp dụng từ ngày 23/5/2025)		1.282.408
		Mác 300	-				1.328.704
		Mác 350	-				1.375.001
		Mác 400	-				1.425.927
		Phụ gia chống thấm B6,B8	-				55.556
		Phụ gia đông kết nhanh R7	-				55.556
		Phụ gia đông kết nhanh R3					101.852
		Bê tông sử dụng xi măng bền sunfat PCsr					138.889
		Tăng mỗi cấp độ sụt + 2cm					18.519
		Bê tông có độ sụt ≤ 12±2cm đá 1x2 Mác 100					1.273.149
		Mác 150			- nt -		1.319.445
		Mác 200			- nt -		1.365.742
		Mác 250			- nt -		1.412.038
		Mác 300			- nt -		1.458.334
		Mác 350			- nt -		1.504.631
		Mác 400			- nt -		1.555.557
		Phụ gia chống thấm B6,B8			- nt -		55.556

		Phụ gia đông kết nhanh R7			- nt -		55.556
		Phụ gia đông kết nhanh R3			- nt -		101.852
		Bê tông sử dụng xi măng bền sunfat PCsr			- nt -		138.889
		Tăng mỗi cấp độ sụt + 2cm			- nt -		18.519
		Dịch vụ bơm bê tông					
		+Từ tầng hầm đến tầng 4 (14m)			Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chueyenr đến công trình - Khoảng cách đổ bê tông là 20km (tính từ nhà máy), Từ Km 21 trở đi sẽ cộng tăng thêm 15.000đ/m3/km.		
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$					83.333
		· Khối lượng bê tông $<20m^3$	đ/m ³				1.666.667
		+Từ tầng 5 đến tầng 10 (20m-37m)	đ/đợt				
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$					92.593
		· Khối lượng bê tông $< 20m^3$	đ/m ³				1.851.852
		+Từ tầng 10 đến tầng 15 (37m-54m)	đ/đợt				
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$					138.889
		· Khối lượng bê tông $< 20m^3$					3.240.741
	4	BÊ TÔNG ACC-SỸ KIÊN MẠNH		TCVN 9340:2012	Công ty TNHH MTV Sỹ Kiên Mạnh		
		Bê tông có độ sụt $\leq (12\pm 2)$ cm hoặc thấp hơn Mác 100	đ/m ³		Tổ 26, P Hòa Thọ Tây, Q Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		1.222.000
		Mác 150	-		(Giá này áp dụng cho cự ly vận chuyển 20km tính từ trạm trộn, khi tăng hoặc giảm 1km thì đơn giá tăng hoặc giảm 5.000 đồng, chưa bao gồm thuế GTGT), áp dụng từ ngày 25/5/2025		1.269.000
		Mác 200	-		- Thành phần VL: XM Sông Gianh, Đồng Lâm PCB 40, cát đúc Đại Lộc, đá 0,5x20 Đà Sơn, Hòa Nhơn. - Khi độ sụt Bê tông +/-20mm thì đơn giá sẽ +/-20.000 đ/m ³		1.315.000
		Mác 250	-				1.361.000
		Mác 300	-				1.407.000
		Mác 350	-				1.463.000
		Mác 400	-				1.519.000
		Mác 450	-				1.574.000
		Mác 500	-				1.630.000
		Cộng thêm vào giá bê tông			Phụ gia chống thấm cộng thêm 65.000đ/m3		
					Phụ gia bền Sunfat cộng thêm 340.000đ/m3		
		- Phụ gia dùng cho BT (đối với các loại BT sử dụng phụ gia phát triển cường độ sớm - 7 ngày đạt 90% mác thiết kế) thì:					
		Mác ≤ 250	-				61.000
		Mác 300	-		(công trình cự ly trong vòng 15km)		66.000

		Mác 350	-		(giá từ ngày 1/4/2022)		70.000
		Mác 400	-		-nt-		76.000
		Mác ≥ 450	-		-nt-		81.000
		- Độ cao dầm bêm bê tông	-				
		+ Từ tầng hầm đến tầng 4 (tương đương dưới 14m)					
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/đợt		-nt-		85.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-		1.694.000
		+ Từ tầng 5 đến tầng 10 (hoặc cao $20m < H \leq 37m$)					
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/ m^3		-nt-		94.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-		1.886.000
		+ Từ tầng 9 đến tầng 13 (hoặc cao $20m < H$					
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/đợt				104.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt				2.074.000
	5	Bê tông thương phẩm		TCVN 9340:2012	Công ty Cổ phần Sông Hàn Invest		
		Bê tông có độ sụt $\leq (12 \pm 2)cm$ hoặc thấp hơn Mác 100	đ/ m^3		ĐC: Thạch Nham Tây, Hòa Nhơn, Hòa Vang - Đà Nẵng Tel: 077.467.5555		1.203.704
		Mác 150	-		(Giá đến chân CT cự ly trong vòng 15km chưa bao gồm thuế GTGT), áp dụng từ ngày 19/5/2025)		1.250.000
		Mác 200	-				1.296.296
		Mác 250	-		- Thành phần VL: XM Sông Gianh, Đồng Lâm PCB 40, cát: Đại Lộc, đá: Hòa Nhơn, PG: Vinkems, Lotus, Sika		1.342.593
		Mác 300	-		- Khi độ sụt Bê tông $\pm 20mm$ thì đơn giá sẽ ± 20.000 đ/ m^3		1.388.889
		Mác 350	-				1.444.444
		Mác 400	-		Phụ gia chống thấm cộng thêm 60.000đ/ m^3		1.500.000
		Mác 450	-		Phụ gia bền Sunfat cộng thêm 340.000đ/ m^3		1.555.556
		Mác 500	-		Bê tông lạnh đảm bảo nhiệt độ > 32 độC và < 35 độC cộng thêm 100.000đ/ m^3		1.638.889
		Mác 600			Mỗi km tăng thêm cộng thêm vào đơn giá 8.000đ/ m^3/km		1.777.778

		Mác 700			-nt-		1.861.111
		Mác 800			-nt-		2.111.111
		Bê tông có độ sụt $\leq (12 \pm 2)$ cm hoặc thấp hơn Mác 100	đ/m ³		Giá có hiệu lực từ ngày 23/5/2025		1.314.815
		Mác 150	-		-nt-		1.361.111
		Mác 200	-		-nt-		1.407.407
		Mác 250	-		-nt-		1.453.704
		Mác 300	-		-nt-		1.500.000
		Mác 350	-		-nt-		1.555.556
		Mác 400	-		-nt-		1.611.111
		Mác 450	-		-nt-		1.666.667
		Mác 500	-		-nt-		1.750.000
		Mác 600			-nt-		1.888.889
		Mác 700			-nt-		1.972.222
		Mác 800			-nt-		2.222.222
		Công thêm vào giá bê tông					
		Dùng phụ gia phát triển cường độ sớm R7>90% cường độ yêu cầu	-				55.000
		Dùng phụ gia phát triển cường độ sớm R4>90% cường độ yêu cầu	-		-nt-		91.000
		Dùng phụ gia phát triển cường độ sớm R3>90% cường độ yêu cầu	-		-nt-		109.000
		- Độ cao dùng bơm bê tông	-				
		+ Từ tầng hầm đến tầng 4 (tương đương dưới 14m)					
		· Khối lượng bê tông $\geq 20\text{m}^3$	đ/đợt		-nt-		91.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20\text{m}^3$	đ/đợt		-nt-		2.000.000
		+ Từ tầng 5 đến tầng 10 (hoặc cao $20\text{m} < H \leq 37\text{m}$)					
		· Khối lượng bê tông $\geq 20\text{m}^3$	đ/m ³		-nt-		109.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20\text{m}^3$	đ/đợt		-nt-		2.727.000
		+ Từ tầng 9 đến tầng 13 (hoặc cao $20\text{m} < H$)					
		· Khối lượng bê tông $\geq 20\text{m}^3$	đ/đợt		-nt-		136.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20\text{m}^3$	đ/đợt		-nt-		3.636.000
		- Độ cao dùng bơm bê tông (bơm ngang nổi ống L)	-				
		+ $L \leq 30\text{m}$					

		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/đợt		-nt-		100.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-		3.182.000
		+ $30m < L \leq 60m$					
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/ m^3		-nt-		136.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-		4.545.000
		+ $60m < L \leq 100m$					
		· Khối lượng bê tông $\geq 20m^3$	đ/đợt		-nt-		182.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-		5.455.000
	6	Bê tông thương phẩm		TCVN 9340:2012	CÔNG TY CP VINACONEX 25		
		Bê tông có độ sụt $\leq 12\pm 2cm$ đá 1x2 Mác 100	đ/ m^3		89A Phan Đăng Lưu, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng		1.287.036
		Mác 150	-		Tel: 02366252525; 0912808637 (A Linh)		1.333.332
		Mác 200	-		(Giá đến chân CT cự ly trong vòng 15km chưa bao gồm thuế GTGT) Áp dụng từ ngày 01/5/2025		1.379.629
		Mác 250	-		- Thành phần Vật liệu: xi măng: Đồng Lâm PCB40 và Sông Gianh PCB40 Cát dúc Đại Lộc Đá Hòa Sơn Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 2cm cộng vào đơn giá bê tông 18.518đ		1.425.925
		Mác 300	-				1.472.222
		Mác 350	-				1.518.518
		Mác 400	-				1.574.074
		Mác 450					1.629.629
		Mác 500					1.685.185
		Mác 600					1.796.296
		Dịch vụ bơm bê tông			(Trên 15km cộng vào đơn giá bê tông 5.000 đồng/km)		
		+Từ tầng hầm đến tầng 4 (14m)					
		· Khối lượng bê tông $> 20m^3$	đ/ m^3		-nt-		90.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-		1.800.000
		+Từ tầng 5 đến tầng 9(20m-37m)					
		· Khối lượng bê tông $> 20m^3$	đ/ m^3		-nt-		100.000
		· Khối lượng bê tông $\leq 20m^3$	đ/đợt		-nt-		2.000.000
		Trường hợp bơm cần nổi ống					
		· Khối lượng bê tông $> 20m^3$	đ/01 cây ống/1m		-nt-		200.000
		Độ xa $\leq 30m$					

		· Khối lượng bê tông > 30m ³	đ/m ³		-nt-		100.000
		· Khối lượng bê tông ≤ 30m ³	đ/đợt		-nt-		3.000.000
		Độ xa từ 31m đến 50m					
		· Khối lượng bê tông > 30m ³	đ/m ³		-nt-		120.000
		· Khối lượng bê tông ≤ 30m ³	đ/đợt		-nt-		3.600.000
		Độ xa từ 51m đến 70m					
		· Khối lượng bê tông > 30m ³	đ/m ³		-nt-		140.000
		· Khối lượng bê tông ≤ 30m ³	đ/đợt		-nt-		4.200.000
		Độ xa từ 71m đến 100m					
		· Khối lượng bê tông > 30m ³	đ/m ³		-nt-		170.000
		· Khối lượng bê tông ≤ 30m ³	đ/đợt		-nt-		5.100.000
		Độ xa từ 101m đến 130m					
		· Khối lượng bê tông > 30m ³	đ/m ³		-nt-		200.000
		· Khối lượng bê tông ≤ 30m ³	đ/đợt		-nt-		6.000.000